

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐPTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/01/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	616	VSP01	7:25	15	0		19	0	
2		RP1+P10+AMD	7:25	11+0+1	0+0+0		6+8+2	0+0+0	
3		RP3	7:25	16	0		16	0	
4		RP3+RC6	9:25	8+7	0+0		6+10	0+0	
5	616	VSP01+RCDM	9:25	9+5	0+0		4+15	0+0	
6		RP1	9:25	12	0		16	0	
7		RP3	11:25	12+1	0+0		16	0+0	
8	616	VSP01+P1+CTK3+BK9	11:25	14	0		9+3+6+1	0	CHUYEN 1 CTK3-BK9
9		RP1+BK14	11:25	8+0	0+0		12+4	0+0	

TTBDSX

Thiền Uy

12/01/2025

19

19



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/01/2025	TO: VSP01	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ATUÂN - VLINH	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ROMANOV S	VSP01	65	1	11	2	30	112	KH-THAC	Russian
2	CHENRNYSHWV V	VSP01	64	1	9	2	8	117	KH-THAC	Russian
3	VÔ QUANG HUY	VSP01	87	1	7	1	16	80	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯƠNG THANH PHÚ	VSP01						69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP01	72	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP01	73	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG BA ĐIỀU	VSP01	77-78	2	10			58	YTE	Vietnamese
8	LÊ TRẦN BÌNH	VSP01	85-86	2	17			70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TUÂN	VSP01	82	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO XUAN ĐỨC	VSP01	74,79	2	14			76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG MINH	VSP01	70-71	2	9			87	KH-THAC	Vietnamese
12	HOÀNG TRỌNG CHUNG	VSP01	80	1	7			84	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	63	1	12			87	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN NGHA	VSP01						66	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN DUY BINH	VSP01	81	1	5			91	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP01	15	1.214	17	125	5	54	19		
TOTAL		15	1.214	17	125	5	54	19		
WEIGHT KG			1.214		125		54			

GRAND TOAL: 1.393 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/01/2025	TO: RP1 - P10 - AMD	AIRCRAFT: 640	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HLONG - ĐNAM	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGÔ ĐỨC HẢI	RP1	04	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN QUỐC KHÁNH	RP1						76	KH-THAC	Vietnamese
3	KUZMENKO TIMOFEY	RP1	14	1	3			82	KH-THAC	Russian
4	MORDIASHOV SEMEN	RP1	13	1	2			80	KH-THAC	Russian
5	NGUYỄN BẠCH HÀ	RP1	05	1	8	2	20	63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	06	1	12			72	KH-THAC	Vietnamese
7	PHƯƠNG VĂN MINH	RP1	08	1	6	1	3	78	KH-THAC	Vietnamese
8	KOROGHLUYEV RAMIL	RP1	11-12	2	6			85	KH-THAC	Russian
9	TSOPANOV ALAN	RP1	09-10	2	18	1	4	99	KH-THAC	Russian
10	LÝ XUÂN TRUNG	RP1	03	1	7			68	YTE	Vietnamese
11	HOANG VĂN SƯU	RP1	07	1	3			79	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN THUY	RP1	18-19	2	19			61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HIỆN	AMD	56	1	6			69	HLJOC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP1	12	917	14	87	4	27	6		
2	P10	0	0	0	0	0	0	98		
3	AMD	1	69	1	6	0	0	2		
TOTAL		13	986	15	93	4	27	16		
WEIGHT KG			986		93		27			

GRAND TOAL: 1.106 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2025	TO: RP3	AIRCRAFT: 646	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: PTHẮNG - AVIỆT	ETA: 09:30
VANG-1			

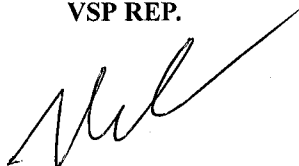
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN THANH TRUNG	RP3	16	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
2	VOEVODCHENKOV.N	RP3	13	1	7			101	KH-THAC	Russian
3	PHẠM HỮU THẮNG	RP3	21-22	2	18			86	KH-THAC	Vietnamese
4	MAI NGỌC THIẾT	RP3	06	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
5	HUYNH NGỌC BÍCH	RP3	10-11	2	14			75	YTE	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC HIẾU	RP3	05,400	2	12			70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM QUANG TRUNG	RP3	07	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN THANH	RP3	08	1	11	3	60	69	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯƠNG QUANG THƯỜNG	RP3	12	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐO DUY TIỀN	RP3	19	1	8			82	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TÁT THANH	RP3	15	1	7	1	3	57	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	09	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯƠNG VĂN THƯỜNG	RP3	14	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	17-18	2	8			71	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN THANH HOÀI	RP3	99	1	9			108	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN THANH CÔNG	RP3	98	1	6	1	2	65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	16	1.205	20	130	5	65	16		
TOTAL		16	1.205	20	130	5	65	16		
WEIGHT KG			1.205		130		65			

GRAND TOAL: 1.400 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/01/2025	TO: RP3 - RC6	AIRCRAFT: 640	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HLONG - ĐNAM	ETA: 11:40
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VŨ THĂNG	RP3	49-50	2	15			91	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	45	1	4			84	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TỬ HAI	RP3						68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TIẾN	RP3	46-47	2	12			68	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC HUY	RP3	51	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ THANH LONG	RP3	43-44	2	14			87	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ ĐỨC OANH	RP3				3	40	64	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI ĐỨC THUẬN	RP3	48	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẠO QUYẾT THĂNG	RC6	47	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN TÙNG	RC6	45	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC LINH	RC6	49	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH NAM	RC6	48	1	14			72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN HUY	RC6	44	1	16			85	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN GIÁP TUẤT	RC6	50	1	11	2	25	71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT HÀ	RC6	46	1	9			72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	8	592	9	57	3	40	6		
2	RC6	7	517	7	66	2	25	10		
TOTAL		15	1.109	16	123	5	65	16		
WEIGHT KG			1.109		123		65			

GRAND TOAL: 1.297 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/01/2025	TO: VSP01 - RCDM	AIRCRAFT: 616	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: ATUÂN - VLINH	ETA: 11:45
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DOÀN VIỆT ĐĂNG	VSP01	99	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
2	LƯU ĐÌNH LỰC	VSP01	93	1	8			63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC TUÂN	VSP01	95-96	2	13			69	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN THẾ CUÔNG	VSP01	97	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
5	HUYNH VĂN THON	VSP01						73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC BÈ	VSP01	92	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
7	LE HAI NAM	VSP01	98	1	9			95	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ANH TUÂN	VSP01	900	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese
9	HA THE BINH	VSP01	91	1	4			68	PSV	Vietnamese
10	LE XUAN HA	VSP01	53	1	5			65	PSV	Vietnamese
11	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	94	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÌNH VĂN CÔNG	RCDM	24	1	7	1	20	86	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN DUY HUNG	RCDM	29-30	2	8			74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN QUY	RCDM	27	1	13			80	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN TRỌNG HIẾU	RCDM	26	1	11			60	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN HUAN	RCDM	28	1	7			72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP01	11	775	11	66	0	0	4		
2	RCDM	5	372	6	46	1	20	15		
TOTAL		16	1.147	17	112	1	20	19		
WEIGHT KG			1.147		112		20			

GRAND TOAL: 1.279 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2025	TO: RP1	AIRCRAFT: 646	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: PTHẮNG - VIỆT	ETA: 11:50
VANG-2			

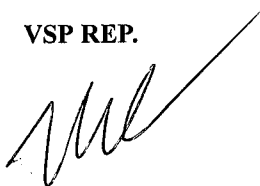
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG VAN TRUONG	RP1	51	1	8	2	48	67	KH-THAC	Vietnamese
2	LE DUC THIEN	RP1	52	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
3	LE MANH HUNG	RP1	54	1	4			81	KH-THAC	Vietnamese
4	LE NGOC DUNG	RP1	59	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DINH HO	RP1	60	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH NGOC	RP1	55	1	9			101	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRUONG GIANG	RP1	53	1	5			92	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN CONG TOAN	RP1	56	1	10			85	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN NGUYEN XUAN AN	RP1	57-58	2	11			72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN THANH CONG	RP1						58	KH-THAC	Vietnamese
11	TAO QUANG NGAN	RP1						64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP1	11	823	10	62	2	48	16		
TOTAL		11	823	10	62	2	48	16		
WEIGHT KG			823		62		48			

GRAND TOAL: 933 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2025	TO: RP3	AIRCRAFT: 640	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: QVIỆT - MMINH	ETA: 14:00
TRANG-3			

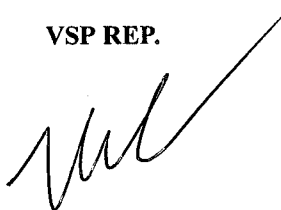
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG VAN HIEN	RP3	68	1	4	3	60	55	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM THE PHONG	RP3	67	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN CONG	RP3	64-65	2	11			71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THANH HA	RP3	59	1	3			65	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN VAN VY	RP3	56	1	6			66	PSV	Vietnamese
6	TRAN THANH HAI	RP3	55	1	5			61	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TRUNG (1966)	RP3	62	1	4			67	PSV	Vietnamese
8	PHAM NGOC CHI	RP3	60	1	4			61	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN DUY CHINH	RP3	61	1	6			57	PSV	Vietnamese
10	HOANG MINH THIEN	RP3	63	1	5			75	PSV	Vietnamese
11	DO NGOC QUI	RP3	66	1	5			53	PSV	Vietnamese
12	LE TIEN THANH	RP3	57-58	2	6			61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

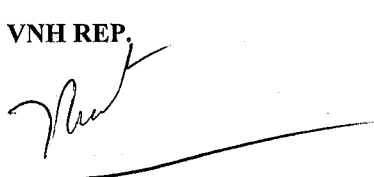
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	12	754	14	63	3	60	16		
TOTAL		12	754	14	63	3	60	16		
WEIGHT KG			754		63		60			

GRAND TOAL: 877 KGS

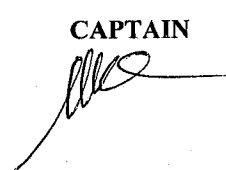
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/01/2025	TO: VSP01 - P1 - CTK3 - BK9	AIRCRAFT: 616	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: ATUÁN - VLINH	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN CÔNG QUÂN	VSP01	10-11	2	11			64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP01	07	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN TRUÔNG	VSP01	16	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN BA NGỌC	VSP01	03	1	5			56	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH THẮNG	VSP01	07	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN SỸ HIỆU	VSP01	04	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN XUÂN THUY	VSP01	02	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN KIM	VSP01	05-06	2	8			69	KH-THAC	Vietnamese
9	SIDORSKIY DMITRY	VSP01	09	1	16			96	ANTOAN	Russian
10	PHẠM VĂN TUẤN	VSP01	13-14	2	15	1	3	88	PSV	Vietnamese
11	VŨ VĂN ĐIỆP	VSP01	01	1	7			69	PSV	Vietnamese
12	HÀN VĂN HIỆU	VSP01	12	1	9			78	PSV	Vietnamese
13	PHẠM HUU TUNG	CTK3	97	1	10			97	SBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP01	12	866	15	101	1	3	9		
2	P1	0	0	0	0	0	0	3		
3	CTK3	1	97	1	10	0	0	6+	1	CHUYEN 01 PAX CTK3-BK9
4	BK9	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		13	963	16	111	1	3	19		
WEIGHT KG			963		111		3			

GRAND TOAL: 1.077 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

F- 2167

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2025	TO: RP1 - BK14	AIRCRAFT: 646	ETD: 12:20
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: PTHẮNG - AVIỆT	ETA: 14:10
NAU-3			

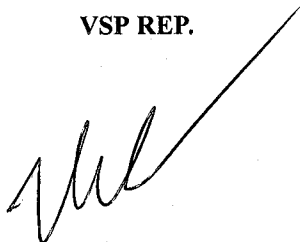
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN VAN LOI	RP1	42	1	9	1	15	66	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN HOANG THÔNG	RP1	40-41	2	10			87	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN QUANG TÙNG	RP1	44	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÌNH QUỐC TRƯỞNG	RP1	43	1	9			80	PSV	Vietnamese
5	LÊ MINH HOÀN	RP1	46	1	9			78	PSV	Vietnamese
6	TRẦN HIỆP	RP1	48	1	5			79	PSV	Vietnamese
7	PHAN LÊ MINH TOÀN	RP1	47	1	7			87	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG PHƯỢNG	RP1	45	1	5			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

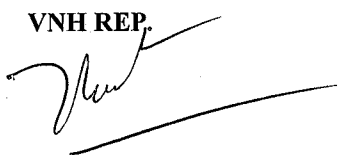
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP1	8	620	9	58	1	15	12		
2	BK14	0	0	0	0	2	23	4		
TOTAL		8	620	9	58	3	38	16		
WEIGHT KG			620		58		38			

GRAND TOAL: 716 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2025	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:00
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: MTIEN - XTRUONG	ETA: 15:20
XANH-3			

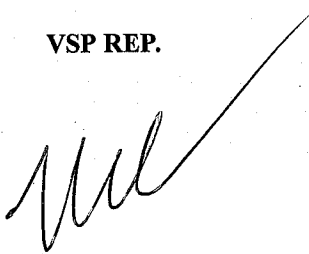
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LUU THE ANH	T.UNG	77-78	2	16			74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRUNG KIEN	T.UNG	67	1	2			66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VU QUYEN	T.UNG	68	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TRONG SON	T.UNG	64	1	11			69	KH-THAC	Vietnamese
5	KHONG THAI BINH	T.UNG	79	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN MINH TRI	T.UNG	66	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
7	VU TIEN VINH	T.UNG	83	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
8	LE NGOC TOAN	T.UNG	76	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
9	HO DINH HUY	T.UNG	73	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN SON	T.UNG	74	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
11	VU QUANG THONG	T.UNG	80	1	3	2	28	65	KH-THAC	Vietnamese
12	DANG DINH THANG	T.UNG	62	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
13	DANG THAI SON	T.UNG	71-72	2	19			86	PSV	Vietnamese
14	DOAN DAC TUY	T.UNG	70	1	8			59	PSV	Vietnamese
15	LE KHAC BAO	T.UNG	61	1	7			60	PSV	Vietnamese
16	PHAM TRAN THANH PHUC	T.UNG	65	1	5			85	PSV	Vietnamese
17	TRAN VAN QUAN	T.UNG	69	1	3			72	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN THANH NAM	T.UNG	61	1	4			84	PSV	Vietnamese
19	LE MINH HUY	T.UNG	75	1	4			73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

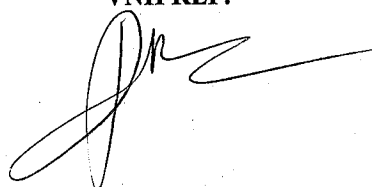
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	19	1.322	21	121	2	28	19		
TOTAL		19	1.322	21	121	2	28	19		
WEIGHT KG			1.322		121		28			

GRAND TOAL: 1.471 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

